

## THÔNG BÁO MỜI THẦU/CHÀO HÀNG

Kính gửi: Các đơn vị nhà cung cấp tại Việt Nam

Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Bình Định đang có nhu cầu **Thuê hệ thống máy phẫu thuật nội soi ổ bụng tổng quát** phục vụ tại Bệnh viện. Kính mời các nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm và điều kiện tham gia chào giá với các thông tin sau:

**Tên gói thầu: HỒ SƠ CHÀO GIÁ THUÊ HỆ THỐNG MÁY PHẪU THUẬT NỘI SOI Ổ BỤNG TỔNG QUÁT**.....

1. Thông số kỹ thuật: yêu cầu tính năng kỹ thuật đính kèm .....
2. Hình thức lựa chọn nhà thầu: chào giá cạnh tranh kín .....
3. Hình thức Hợp đồng: hợp đồng thuê máy .....
4. Thời gian nhận chào giá: Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày Thông báo.....
5. Hiệu lực của chào giá: 60 ngày .....
6. Yêu cầu hồ sơ chào giá:

**6.1. Hồ sơ chào giá có niêm phong, đóng dấu ký tên của người có thẩm quyền.**

**6.2. Số lượng Hồ sơ: 01 bộ hồ sơ (bản gốc)**

**6.3. Nội dung Hồ sơ chào giá bao gồm:**

- Thư chào giá cạnh tranh
- Bảng chào giá
- Hồ sơ năng lực
- Hồ sơ kinh nghiệm
- Hồ sơ nguồn gốc, thông tin vật tư, thiết bị.
- Thư giảm giá hoặc các tài liệu khác nếu có.

**6.4. Nội dung khác:**

- Điều kiện thanh toán đề xuất

100% trong vòng 90 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn tài chính.

**(Hoặc điều kiện thanh toán khác tương ứng với giá,..)**

**6.5. Đơn vị chào giá cam kết:**

- Chỉ tham gia với tư cách 01 nhà cung cấp chính;

- Tại thời điểm chào giá, không thuộc trường hợp giải thể hoặc không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định pháp luật.
- Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành trong phạm vi hoạt động của đơn vị chào giá.

Hồ sơ có thể gửi trực tiếp, bằng fax hoặc qua bưu điện qua địa chỉ sau:

**Phòng Mua Hàng - CTCP Bệnh viện Đa khoa Bình Định**

**Địa chỉ: Số 39A Phạm Ngọc Thạch, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai**

**Điện thoại: 0256 247 8888, di động: 0899 904 432– Mr. Cường**

**Email: [Muahang@benhvienbinhdinh.com.vn](mailto:Muahang@benhvienbinhdinh.com.vn)**

Rất mong nhận được sự hợp tác từ Quý công ty./.

Trân trọng./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Lưu: VT, Phòng Mua hàng

**PHÒNG TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**NGUYỄN AN SƠN**

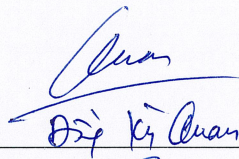
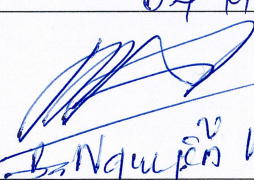
YÊU CẦU VỀ TÍNH NĂNG KỸ THUẬT  
HỆ THỐNG PHẪU THUẬT NỘI SOI Ổ BỤNG

| Yêu cầu kỹ thuật |                                                                                                                                                                                                                                    |
|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I                | Yêu cầu chung                                                                                                                                                                                                                      |
| 1                | Thiết bị đáp ứng chất lượng kỹ thuật tiêu chuẩn CE Mark/ISO 13485, IEC 60601...                                                                                                                                                    |
| 2                | Thiết bị có đầy đủ các chứng từ CO, CQ, Parking List, các giấy tờ hải quan,...                                                                                                                                                     |
| 3                | Thiết bị mới 100%, được sản xuất từ năm 2024 trở về sau (ưu tiên 2025)                                                                                                                                                             |
| 4                | Thiết bị hoạt động được trong môi trường có nhiệt độ tới 40°C, độ ẩm tới 85%                                                                                                                                                       |
| 5                | Thiết bị sử dụng nguồn điện: 220V / 50Hz.                                                                                                                                                                                          |
| 6                | Được phân phối và sử dụng rộng rãi trong và ngoài nước                                                                                                                                                                             |
| 7                | Thiết bị cung cấp cần có dây nguồn có nối đất dạng 3 chân phù hợp với tiêu chuẩn ổ cắm điện tại Việt Nam                                                                                                                           |
| 8                | Thiết bị phải đảm bảo không có bất kỳ thông báo cảnh báo và thu hồi nào bởi các tổ chức quốc tế trên phạm vi toàn thế giới                                                                                                         |
| 9                | Nhà cung cấp phải cung cấp đầy đủ thông tin và đào tạo cho kỹ sư tại bệnh viện biết cách khắc phục sự cố, thực hiện bảo trì và cân chỉnh trong quá trình lắp đặt. Sau đó cung cấp chứng chỉ chính thức cho các kỹ sư tại bệnh viện |
| 10               | Nhà cung cấp phải cung cấp checklist cho việc bảo trì thiết bị cho kỹ sư tại bệnh viện trong quá trình lắp đặt thiết bị.                                                                                                           |
| II               | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                         |
| 1                | Độ phân giải hình ảnh tối thiểu Full HD 1080p (ưu tiên hệ thống 4K hoặc tương đương)                                                                                                                                               |
| 2                | Cổng xuất tín hiệu: HDMI, DVI, SDI, DisplayPort.....                                                                                                                                                                               |
| 3                | Có chế độ cân bằng trắng, điều chỉnh độ sáng, tương phản, gamma                                                                                                                                                                    |
| 4                | Có chức năng zoom điện tử                                                                                                                                                                                                          |
| 5                | Có chức năng tạm dừng (freeze), chụp ảnh (snapshot), ghi video (live record)                                                                                                                                                       |
| 6                | Nguồn sáng: bóng đèn xenon, ánh sáng ổn định                                                                                                                                                                                       |
| 7                | Cường độ ánh sáng đủ để soi rõ mô, công suất tối thiểu: 300W                                                                                                                                                                       |
| 8                | Bóng đèn có tuổi thọ tối thiểu: 500 giờ                                                                                                                                                                                            |
| 9                | Có chế độ điều chỉnh ánh sáng tự động/hỗ trợ (auto brightness)                                                                                                                                                                     |
| 10               | Nhiệt độ màu 6000°K, tương đương ánh sáng ban ngày                                                                                                                                                                                 |
| 11               | Cách điện, bảo vệ chống quá dòng, chống rò dòng, chống xung từ máy sốc                                                                                                                                                             |
| 12               | Dây dẫn sáng có thể chịu được hấp ướt ở 134°C, vỏ bọc bằng silicone y tế hoặc polymer chịu nhiệt, chống gập, chống mài mòn                                                                                                         |
| 13               | Chiều dài dây dẫn sáng tối thiểu 3m                                                                                                                                                                                                |

|            |                                                                                       |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 14         | Dây dẫn sáng có độ truyền sáng $\geq 90\%$ ánh sáng đầu ra                            |
| 15         | Hỗ trợ ghi video, chụp ảnh định dạng phổ biến (AVI, MPEG, JPEG, TIFF...)              |
| 16         | Có bộ nhớ trong hoặc hỗ trợ ổ SSD/ổ cứng mở rộng                                      |
| 17         | Tích hợp khả năng xuất dữ liệu (USB, mạng)                                            |
| 18         | Có cổng giao tiếp mạng (Ethernet, LAN)                                                |
| 19         | Giao tiếp DICOM/PACS                                                                  |
| 20         | Xe đẩy có kệ phù hợp, chắc chắn, dễ di chuyển, có khoá bánh                           |
|            | <b>Máy bơm khí CO<sub>2</sub> ổ bụng</b>                                              |
| 21         | Áp lực làm việc: 1 – 30mmHg                                                           |
| 22         | Lưu lượng khí tối đa: $\geq 40\text{L/min}$                                           |
| 23         | Có chế độ áp lực và lưu lượng nhỏ cho trẻ em                                          |
| 24         | Màn hình hiển thị rõ thông tin áp lực, lưu lượng...                                   |
| 25         | Có cảnh báo áp lực vượt mức, rò rỉ gas, mất áp lực đầu vào, van xả an toàn...         |
| 26         | Kết nối tương thích với chuẩn bình CO <sub>2</sub> thông thường                       |
| 27         | Có khả năng tự động bù khí để giữ áp suất ổn định                                     |
| 28         | Vật liệu chịu ăn mòn CO <sub>2</sub> , bền, chịu nhiệt                                |
|            | <b>Máy cắt đốt điện cao tần</b>                                                       |
| 29         | Chế độ hoạt động: Monopolar, Bipolar                                                  |
| 30         | Công suất đầu ra monopolar cắt: $\geq 200\text{ W}$                                   |
| 31         | Công suất đầu ra monopolar coag: $\geq 100\text{ W}$                                  |
| 32         | Công suất đầu ra, bipolar coag: $\geq 50\text{ W}$                                    |
| 33         | Tần số cao $\geq 300\text{ kHz}$ để đảm bảo không gây kích thích thần kinh cơ         |
| 34         | Có thể điều chỉnh công suất từng bước trong mỗi chế độ                                |
| 35         | Có chế độ self-check, kiểm tra rò rỉ, kiểm tra pad                                    |
| 36         | Hỗ trợ các tay cầm/ que điện chuẩn quốc tế                                            |
| 37         | Vật liệu vỏ dễ lau chùi, chịu khử khuẩn, các cổng và jack phải chịu nhiều lần cắm rút |
| 38         | Footswitch có chiều dài dây: $\geq 3\text{m}$                                         |
| <b>III</b> | <b>Phụ kiện</b>                                                                       |
| 1          | Dây nối bản điện cực                                                                  |
| 2          | Lọc CO <sub>2</sub> cao áp                                                            |
| 3          | Bản điện cực                                                                          |
| 4          | Có bộ lưu điện (không bắt buộc)                                                       |
| <b>IV</b>  | <b>Các yêu cầu khác</b>                                                               |
| 1          | Bảo hành toàn hệ thống: tối thiểu 02 năm, tính từ ngày nghiệm thu thiết bị            |

|    |                                                                                                                                |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2  | Nhà cung cấp phải cung cấp Biên bản kiểm tra của nhà máy/hãng sản xuất (chứng nhận hiệu chỉnh) trong quá trình lắp đặt         |
| 3  | Kỹ sư lắp đặt máy có bằng cấp đào tạo của chính hãng                                                                           |
| 4  | Cam kết hướng dẫn sử dụng, chuyển giao công nghệ                                                                               |
| 5  | Cung cấp tài liệu hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo trì sửa chữa bằng tiếng Anh/Việt                                            |
| 6  | Bản ép plastic quy trình vận hành máy.                                                                                         |
| 7  | Cam kết cung cấp phụ tùng/phụ kiện trong vòng 10 năm, giữ giá phụ tùng/phụ kiện trong 05 năm                                   |
| 8  | Thời gian đáp ứng để xử lý sự cố: trong vòng 12h kể từ lúc nhận thông tin từ khách hàng                                        |
| 9  | Đội ngũ nhân viên thực hiện bảo hành, bảo trì với số lượng, chất lượng và trình độ và kinh nghiệm đáp ứng trong mọi tình huống |
| 10 | Yêu cầu cung cấp bản sao công chứng giấy chứng nhận phân loại thiết bị y tế theo qui định Bộ Y Tế                              |

| Yêu cầu nghiệm thu |                                                    |                      |         |
|--------------------|----------------------------------------------------|----------------------|---------|
| 1                  | Nghiệm thu trên số ca thực tế                      | Số ca                | .....ca |
| 2                  | Nghiệm thu theo thời gian từ khi bàn giao thiết bị | Thời gian nghiệm thu | 30 ngày |
| 3                  | Nghiệm thu theo quy định khác                      |                      |         |

|                 | Ngày | Vị trí            | Chữ ký                                                                                                 |
|-----------------|------|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Người soạn      |      | Phòng TTBYT       | <br>Trần Thị Quan |
| Khoa/Phòng      |      | Trưởng Khoa/Phòng | <br>Trần Thị Quan |
| Người phê duyệt |      | Phó Tổng Giám Đốc |                                                                                                        |
| Người phê duyệt |      | Tổng Giám Đốc     |                                                                                                        |

